**MỤC TIÊU TRẺ 4 – 5 TUỔI**

**1. Phát triển thể chất**

MT 1: Trẻ trai :Cân nặng đạt 14,4 – 23,5 kg.

MT 2: Chiều cao đạt 100,7 – 119,1 cm.

MT 3: Trẻ gái: Cân nặng đạt 13,8 – 23,2 kg.

MT 4: Chiều cao đạt 99,5 – 117,2 cm

MT 5: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.

MT 6: Bò chui không bị chạm vào vật.

MT 7: Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau.

MT 8: Quay người sang trái, sang phải.

MT 9: Nghiêng người sang trái, sang phải.

MT 10: Co và duỗi tay,vỗ hai tay vào nhau, phía trước, phía sau, trên đầu.

MT 11: Giữ được thăng bằng trên một chân trong 5 giây.

MT 12: Ngồi xổm đứng lên bật tại chổ.

MT 13: Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.

MT 14: Chạy đổi hướng theo vật chuẩn.

MT 15: Ném xa 3m bằng hai tay.

MT 16: Chuyền ,bắt bóng qua đầu ,qua chân,

MT 17: Bật liên tục về phía trước.

MT 18: Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.

MT 19: Bật xa 30 – 40 cm.

MT 20: Bật qua vật cản cao 10 – 15 cm.

MT 21: Nhảy lò cò 3m.

MT 22: Xé, cắt đường thẳng.

MT 23: Tô, vẽ hình.

MT 24: Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây.

MT 25: Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.

MT 26: Tập đánh răng, lau mặt.

MT 27: Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng,

MT 28: Cởi và mặt quần áo.

MT 29:  Phân biệt được một số vật dụng nguy hiểm, nơi an toàn và không an toàn.

MT 30: Đi bằng gót chân ,đi khụy gối,đi lùi

MT 31: Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn

MT 32: Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc ( đổi hướng) theo vật chuẩn.

MT 33: Chạy 15m trong khoảng 10 giây.

MT 34: Chạy chậm 60- 80 m.

MT 35: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.

MT 36: Bò dich dắc qua 5 điểm.

MT 37: Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.

MT 38: Trườn theo hướng thẳng.

MT 39: Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm.

MT 40: Trèo lên, xuống 5 gióng thang.

MT 41: Tung bóng lên cao và bắt bóng.

MT 42: Tung bắt bóng với người đối diện.

MT 43: Đập và bắt bóng tại chổ.

MT 44: Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.

MT 45: Ném trúng đích bằng 1 tay.

MT 46: Chuyền bắt bóng qua đầu qua chân

MT 47: Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay , ngón tay, gắn, nối…

MT 48: Gập giấy.

MT 49: Lắp ghép hình.

MT 50: Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong nhóm thực phẩm

MT 51: Nhận biết các bửa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất

MT 52: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

MT 53: Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.

MT 54: Lựa chon trang phục phù hợp với thời tiết.

MT 55: Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.

MT 56: Biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

MT 57: Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.

MT 58: tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi.

MT 59: Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.

MT 60: Không cười đùa trong khi ăn uống khi ăn các loại quả có hạt.

MT61: Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật nguy hiểm đến tính mạng.

MT 62: Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

**2. Phát triển nhận thức:**

MT 63: Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

MT 64:   Nhận biết được một số đặc điểm giống nhau và khác nhau của bản thân với người gần gũi.

MT 65: Thích tìm hiểu khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi: Tại sao? Để làm gì?...

MT 66: Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

MT 67: Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

MT 68: Nói được địa chỉ, số điện thoại của gia đình.

MT 69: Trẻ biết thời gian thực hiện các hoạt động trong ngày

MT 70: So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng , đồ chơi.

MT 71: Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu.

MT 72: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1- 2 dấu hiệu.

MT 73: Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.

MT 74: So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.

MT 75:  So sánh và sử dụng các từ: bằng nhau, to hơn – nhỏ hơn, cao hơn – thấp hơn, rộng hơn – hẹp hơn, nhiều hơn – ít hơn…

MT 76: Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu.

MT 77: Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

MT 78: Quan tâm đến những thay đổi của sật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý.

MT 79: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.

MT 80: Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

MT 81: So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

MT 82: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.

MT 83: Sự khác nhau giữa ngày và đêm.

MT 84: Các nguồn nước trong môi trường sống.

MT 85: Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.

MT 86: Một số đặc điểm, tính chất của nước.

MT 87: Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

MT 88: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật và cây.

MT 89: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

MT 90: Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.

MT 91: Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả

MT 92: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày ( số nhà, biển số xe...)

MT 93: So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.

MT 94: Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.

MT 95: Đo dung tích bằng một đơn vị đo

MT 96: So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.

MT 97: Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

MT 98: Nhận biết được phía phải, phía trái của bản thân.

MT 99: Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác ( phía trước – phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải – phía trái).

MT 100:  Nhận biết các buổi : sáng – trưa – chiều – tối.

MT 101: Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.

MT 102: Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.

MT 103: Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.

MT 104: Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.

MT 105: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến,nghề truyền thống của địa phương.

MT 106: Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.

**3/ Phát triển ngôn ngữ.**

MT 107: Hiểu các từ chỉ đặc điểm,tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.

MT 108: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu giao tiếp

MT 109: Hiểu và làm theo được 2- 3 yêu cầu.

MT 110: Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

MT 111: Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

MT 112: Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

MT 113: Trả lời và đặc câu hỏi câu hỏi: “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “ khi nào?” “ để làm gì?”

MT 114: Sử dụng biêu thị sự lễ phép

MT 115:   Kể lại truyện đã được nghe.

MT 116:   Đọc thơ, kể lại chuyện diễn cảm.

MT 117:   Kể lại được sự việc theo trình tự.

MT 118: Mô tả, sự vật, hiện tượng tranh ảnh.

MT 119:   Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.

MT 120: Đóng kịch.

MT 121:  Chú ý lắng nghe người khác nói.

MT 122: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...

MT 123: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.

MT 124: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.

MT 125: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.

MT 126: Chọn sách để xem.

MT 127: Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh ”đọc” sách theo tranh minh họa ”đọc vẹt”.

MT 128: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm

MT 129: Kể lại được những sự việc hành động của các bạn mà mình được nhìn thấy, nghe thấy với cô và thảo luận

MT 130: Sử dụng kí hiệu để ”viết” tên lên vé tàu, thiệp chúc mừng.

MT 131: Sử dụng được các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm.

MT 132: Nhận dạng một số chữ cái.

MT 133: Tập tô, tập đồ các nét chữ.

MT 134: Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

MT 135: ”Đọc” truyện qua các tranh vẽ.

MT 136: giữ gìn và bảo vệ sách.

**4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:**

MT 137: Tên, tuổi, giới tính.

MT 138: Sở thích, khả năng của bản thân.

MT 139:   Chơi thân thiện với bạn.

MT 140: Thể hiện sự quan tâm đến người khác bằng lời nói, cử chỉ, hành động…

MT 141: Thực hiện công việc được giao đến cùng.

MT 142: Thực hiện một số quy định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng.

MT 143: Giữ gìn, bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh: giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.

MT 144: Yêu mến quan tâm người thân trong gia đình.

MT 145: Biết biểu lộ một số cảm xúc vui mừng, buồn, tức giận, ngạc nhiên

MT 146: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn.

MT 147: Vâng lời ông bà, bố mẹ.

MT 148: Biết nói cảm ơn xin lổi chào hỏi lễ phép.

MT 149: Nói được điều bé thích, không thích, việc gì bé có thể làm được.

MT 150: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.

MT 151: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.

MT 152: Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.

MT 153: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc

MT 154: Không ăn quà bánh khi đến lớp

MT 155: Không bẻ cành, bứt hoa.

MT 156: Không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.

MT 157: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.

MT 158: Trẻ biết tên, ngày, tháng trải nghiệm, sáng tạo cùng sự kiện

MT 159: trẻ tự tin giao tiếp cùng các bạn trong lớp, trong khóa, trong trường.

MT 160: Trẻ thích chăm sóc cây xanh góc tự nhiên.

MT 161: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ( vui, buồn, sợ hải, tức giận,ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.

MT 162:Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát,vận động,vẽ nặn, xếp hình.

MT 163:Kính yêu Bác Hồ

MT 164:Quan tâm đến di tích lịch sử cảnh đẹp, lễ hội của quê hương và đất nước

MT 165: Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng ( để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

MT 166: Lắng nghe ý kiên của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

MT 167: chờ đến lượt, hợp tác.

MT 168: Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình .

MT 169:  Quan tâm , giúp đỡ bạn.

MT 170: Phân biệt được hành” vi đúng ”, ”sai”, ”tốt”, ” xấu”.

**5/ Phát triển thẩm mỹ.**

MT 171: Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

MT 172: Thích nghe nhạc, nghe hát.

MT 173: Biết thể hiện xen kẻ màu, hình trong trang trí đơn giản.

MT 174: Phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc .

MT 175: Vẽ phối hợp các nét xiên thẳng ,ngang,cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục

MT 176: Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng,màu sắc khác nhau

MT 177: Biết chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc; hát đúng, hát diễn cảm bài hát mà trẻ yêu thích.

MT 178: Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau ( nhạc thiếu nhi, dân ca).

MT 179: Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

MT 180: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc .

MT 181: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.

MT 182: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.

MT 183: sử dụng các kỉ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.

MT 184: Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét.

MT 185: Lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.

MT 186: Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.

MT 187:Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

MT 188: Nói lên ý tưởng tạo hình của mình .

MT 189: Biết cắt các hình khác nhau.

MT 190: Biết xé dán để tạo ra các sản phẩm theo yêu cầu của cô.

MT 191: Biết xếp hình để tạo ra một số sản phẩm theo ý thích.

MT 192: Biết đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc.

MT 193: Nghe và nhận ra sắc thái vui buồn... của một bản nhạc.

MT194: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc,hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.

MT 195: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.